TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021.
V/v Ly hôn, trAh chấp về nuôi con.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Ông Nguyễn Ngọc Ah.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị LA – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về "*Ly hôn, trAh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Võ Thúy N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 210, Hương lộ 15, ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Bùi Hữu H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 210, Hương lộ 15, ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà N, ông H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai N đơn bà Võ Thúy N trình bày:*

- Về quA hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01, ngày 31/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân do vợ chồng bất đồng quA điểm sống, ông H ít quA tâm đến gia đình, thường xuyên bài bạc, hay đánh đập vợ. Bà có trình báo Công A xã Thạnh Phú và đã được Công A xã hòa giải. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên là Bùi Duy H2, sinh ngày 08/9/2004 và Bùi Hải A, sinh ngày 02/01/2009. Ly hôn bà yêu cầu giao cháu H2 và cháu A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Bùi Hữu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2002. Quá trình chung sống, ông có thỉnh thoảng bỏ nhà đi, hai ba bữa mới về, nhưng chị N cũng không nói gì. Khoảng tháng 10/2020, ông bắt gặp bà N đi với người đàn ông khác, ông không kìm chế được nên có đánh bà N, bà N có báo Công A xã xuống làm việc, hòa giải. Sau đó bà N làm đơn ly hôn đến Tòa án. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì ông còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên là Bùi Duy H2, sinh ngày 08/9/2004 và Bùi Hải A, sinh ngày 02/01/2009. Hiện nay 02 con chung đAg ở với vợ chồng ông. Bà N yêu cầu giao cả 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng ông không đồng ý. Ông đề nghị giao 02 con chung cho cả 02 vợ chồng cùng nuôi dưỡng và ở tại căn nhà hiện nay đang ở. Nếu pháp luật buộc phải giao con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung, vì ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến và nguyện vọng giao con cho một người nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông cũng không có ý kiến và không có yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quA hệ hôn nhân: Bà N và ông H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Về con chung: Giao 02 cháu Bùi Duy H2, sinh ngày 08/9/2004 và Bùi H2 A, sinh ngày 02/01/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên ông H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: N đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Hữu H cư trú tại: Số nhà 210, Hương lộ 15, ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, N đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quA hệ hôn nhân: Bà N và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xét hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà N có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H xảy ra từ năm 2010 đến nay, N nhân do ông H không chăm lo cho gia đình, bài bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quA điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục để có thể hàn gắn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H khai có những lúc ông bỏ nhà đi, vợ chồng có xảy ra đánh đập nhau. Tại đơn xin xác nhận đề ngày 29/12/2020 do bà N giao nộp cho Tòa án, Công An xã Thạnh Phú có xác nhận bà N bị ông H đánh, do không có yêu cầu xử lý của bà N nên Công A xã đã tiến hành hòa giải trong cùng ngày. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì trong quá trình chung sống, bà N và ông H có xảy ra mâu thuẫn, N nhân do bất đồng quA điểm sống.

Bà N yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý, nhưng từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay ông H cũng không có biện pháp gì để vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Tòa án đã tiến hành thông báo và triệu tập ông H đến

tham gia phiên họp hòa giải tại Tòa án nhưng ông H không đến, thể hiện ông H không muốn hòa giải, hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà N và ông H có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Bùi Duy H2, sinh ngày 08/9/2004 và Bùi Hải A, sinh ngày 02/01/2009. Bà N yêu cầu giao cả 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng. Ông H đề nghị giao 02 con chung cho cả 02 vợ chồng cùng nuôi dưỡng và ở tại căn nhà hiện nay đAg ở. Nếu pháp luật buộc phải giao con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của cháu H2 và cháu A đều muốn và đồng ý ở với mẹ. Bà N hiện nay có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H2 và cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N Phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Võ Thúy N.

-Về quA hệ hôn nhân: Bà Võ Thúy N được ly hôn ông Bùi Hữu H.

-Về con chung: Giao cháu Bùi Duy H2, sinh ngày 08/9/2004 và Bùi Hải A, sinh ngày 02/01/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003401 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

N đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại